TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2020/DS-ST
Ngày: 26/8/2020
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bảo Lâm

Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà- Kiểm sát viên.

Vào các ngày 29 tháng 7 năm 2020 và 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 396/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2020/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 113/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Quỳnh G (Hồng Lan Quỳnh G), sinh năm: 1945; địa chỉ: Thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Huy B1, sinh năm 1959; địa chỉ: Phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 03/6/2019).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Trang Sĩ X, sinh năm 1948; địa chỉ: Đường H, Phường B2, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Bà Trần Thị L, sinh năm 1952; địa chỉ: Đường H, Phường B2, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2019, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Huy B1 trình bày:

Do quen biết nhau trong quá trình làm từ thiện, vợ chồng ông X và bà L đã hỏi vay tiền của bà G để sử dụng vào mục đích cá nhân gia đình. Ngày 09/8/2013, ông X và bà L đã viết giấy vay của bà G với số tiền 4.500.000.000đ *(Bốn tỷ năm trăm triệu đồng)*, không tính lãi suất. Đến năm 2015, bà G đòi lại tiền nhưng ông X và bà L vẫn không hoàn trả nên bà G khởi kiện yêu cầu ông X và bà L phải trả lại số tiền đã vay 4.500.000.000đ *(Bốn tỷ năm trăm triệu đồng)*.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Huy B1 trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Trang Sĩ X và bà Trần Thị L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Quỳnh G số tiền còn nợ là 4.500.000.000đ *(Bốn tỷ năm trăm triệu đồng)*; yêu cầu thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và phải trả lãi do chậm thi hành án.

Bị đơn ông Trang Sĩ X và bà Trần Thị L vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc "Tranh chấp đòi tài sản" đối với bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại quận Tân Bình nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về nơi cư trú của đương sự:

Tại Đơn khởi kiện, căn cứ vào Giấy mượn tiền do các bên ký vào ngày 09/8/2013, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ cư trú của bị đơn tại Đường H, Phường B2, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công an Phường B2, quận B3 cung cấp thông tin: Ông Trang Sĩ X, sinh năm 1948 và bà Trần Thị L, sinh năm 1952 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đường H, Phường B2, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện ông X và bà L

không còn thực tế cư trú tại địa chỉ trên do đã bán nhà đi khỏi địa phương từ tháng 3 năm 2018 đến nay.

Khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nơi cư trú của cá nhân:

"3. Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới."

Ông X và bà L đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo; do đó có cơ sở xác định địa chỉ Đường H, Phường B2, quận B3 là nơi cư trú cuối cùng của ông X và bà L; Tòa án nhân dân đã tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng tại địa chỉ này là phù hợp với quy định tại các điều 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng và không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự đã được xem xét tại phiên toà đã đủ cơ sở xác định:

Ngày 09/8/2013, ông Trang Sĩ X và bà Trần Thị L đã ký giấy vay của bà Hồng Lan Quỳnh G, có hộ chiếu số 446045405, số tiền 4.500.000.000đ *(Bốn tỷ năm trăm triệu đồng),* vay không lãi suất.

Thị thực số G0840069 ký hiệu C2 do Đại sứ quán Việt Nam tại Mexico cấp ngày 28 tháng 02 năm 2014 cấp cho bà Hồng Lan Quỳnh G, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1945, mang hộ chiếu của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ số 446045405.

Sổ hộ khẩu số 080343823 do Công an thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 28 tháng 12 năm 2018 cung cấp thông tin bà Nguyễn Thị Quỳnh G, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1945, có họ và tên gọi khác là Hồng Lan Quỳnh G.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy mượn tiền ghi ngày 09/8/2013, ông X và bà L đã vay của bà G số tiền 4.500.000.000đ *(Bốn tỷ năm trăm triệu đồng),* vay không lãi suất, thời hạn vay không có.

Nguyên đơn trình bày năm 2015 đã yêu cầu thu hồi nợ nhưng bị đơn không hợp tác; ngày 29 tháng 5 năm 2019 bà G đã thông báo yêu cầu ông X, bà L hoàn trả tiền nhưng đến nay ông X bà L vẫn không thực hiện.

Do đó, căn cứ vào các Điều 163, Điều 280, Điều 281, Điều 302 Bộ luật dân sự năm 2005 thì ông X, bà L đã vi phạm nghĩa vụ dân sự và phải có trách

nhiệm thực hiện thanh toán số tiền còn thiếu cho bà G nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Trang Sĩ X và bà Trần Thị L có trách nhiệm thanh toán cho bà G số tiền còn thiếu là 4.500.000.000đ *(Bốn tỷ năm trăm triệu đồng)* ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Như nhận định tại Mục [1.2], ông X và bà L là bên vay tài sản thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà G nhưng không thông báo cho bà G biết đã vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông X và bà L đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có phản hồi nào về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong quá trình tố tụng của Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Về tạm ứng án phí: Bà Nguyễn Thị Quỳnh G, là người cao tuổi, ngày 30/7/2019 có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí đã được xét miễn tạm ứng án phí đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 163, Điều 280, Điều 281, Điều 302 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh G (Hồng Lan Quỳnh G).

1.1 Buộc ông Trang Sĩ X và bà Trần Thị L có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Quỳnh G (Hồng Lan Quỳnh G) số tiền còn nợ 4.500.000.000đ *(Bốn tỷ năm trăm triệu đồng)*.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trang Sĩ X và bà Trần Thị L phải chịu 112.500.000đ *(Một trăm mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).*

Thi hành toàn bộ bản án tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Phước Lý

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.